TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày: 11 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mộc Khải;

2. Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-DS ngày 28/7/2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Mua Bán Nợ G;

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa Nhà PVL LT Tower, số 5, đường D1, phường LT, thành phố TĐ, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, tầng 2, Tòa Nhà PVL LT Tower, số 5, đường D1, phường LT, thành phố TĐ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu Y, sinh năm 1996, nơi cư trú: F2- 73, đường NTS, Khu vực Thạnh Thới, phường PT, Quận CR, thành phố C; có mặt.

Địa chỉ liên hệ: Đường cầu Kênh 1, ấp M, xã V, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1987, nơi cư trú: 5/21, khóm CL1, phường VM, thành phố X, tỉnh An Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH Mua Bán Nợ G có ông Trần Hữu Y đại diện trình bày:

Ngày 08/11/2016, bà N có ký kết hợp đồng tín dụng số 20161109-0001225 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (viết tắt là Công ty tài chính) vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.487.302 đồng gồm gốc và lãi; trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, trả mỗi tháng 1.770.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.753.112 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 10/12/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 11 lần, tổng số tiền đã trả 17.712.000 đồng.

Kể từ ngày 19/9/2017, bà N không thanh toán cho Công ty tài chính mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 28/9/2018, khoản nợ của bà N đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0005.

Do bà N trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH Mua Bán Nợ G khởi kiện yêu cầu bà N trả toàn bộ nợ gốc và lãi tổng số tiền 24.751.112 đồng gồm nợ gốc 20.691.055 đồng; lãi 4.060.057 đồng.

Lời khai của bị đơn bà Huỳnh Ngọc N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 08/11/2016, bà có ký kết hợp đồng tín dụng số 20161109-0001225 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (viết tắt là Công ty tài chính) vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tôi có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.487.302 đồng gồm gốc và lãi; trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, trả mỗi tháng 1.770.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.753.112 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 10/12/2016.

Thực hiện hợp đồng, bà đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và có thanh toán cho Công ty tài chính được 10 lần, tổng số tiền đã trả 17.712.000 đồng. Khi vay bà không có thế chấp gì. Do thời gian dịch bệnh không có khả năng thanh toán nên từ năm 2018 đến nay bà không trả thêm được khoản nợ nào.

Nay khoản nợ của bà đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh

Vượng SMBC) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G. Vì vậy bà sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G tổng số tiền 24.751.112 đồng gồm vốn 20.691.055 đồng, lãi 4.060.057 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần khoản nợ mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành do không thỏa thuận được phương thức trả nợ.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà N trả toàn bộ nợ gốc và lãi tổng số tiền 24.751.112 đồng gồm nợ gốc 20.691.055 đồng; lãi 4.060.057 đồng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc vay nợ của các bên trên cơ sở tự nguyện, có hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật, trong thời gian thực hiện hợp đồng bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 365, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 24.751.112 đồng gồm vốn 20.691.055 đồng, lãi 4.060.057 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự với bị đơn là bà Huỳnh Ngọc N có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản:

Xét hợp đồng tín dụng số 20161109-0001225 ngày 08/11/2016 giữa bà N với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20161109-0001225 ngày 08/11/2016; Bảng kế hoạch trả nợ và Lịch sử thanh toán thì Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có cho bà N vay số tiền 31.650.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Thỏa thuận bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.487.302 đồng gồm gốc và lãi; trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, trả mỗi tháng 1.770.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.753.112 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 10/12/2016. Thực hiện hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và có trả nợ cho Công ty tài chính được số tiền 17.712.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà N đã không thực hiện đúng thời hạn trả nợ đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản nợ của bà N đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC) chuyển nhượng cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0005 ngày 28/9/2018 là phù hợp với quy định tại Điều 115, Điều 365 và Điều 450 của Bộ luật dân sự 2015.

Do đó Công ty TNHH Mua Bán Nợ G khởi kiện để yêu cầu bà N trả tổng số tiền 24.751.112 đồng gồm vốn 20.691.055 đồng, lãi 4.060.057 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 115, Điều 365 và Điều 450 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Buộc bà Huỳnh Ngọc N trả cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G số tiền 24.751.112 đồng gồm vốn 20.691.055 đồng, lãi 4.060.057 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về phương thức trả nợ: Bà N yêu cầu được trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý do đó không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên phương phức trả nợ sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.238.000 (một triệu, hai trăm, ba mươi tám nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 115, Điều 365 và Điều 450 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua Bán Nợ G.

Buộc bà Huỳnh Ngọc N trả cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G số tiền 24.751.112 đồng gồm vốn 20.691.055 đồng, lãi 4.060.057 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Mua Bán Nợ G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 619.000 (sáu trăm, mười chín nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002321 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Công ty TNHH Mua Bán Nợ G.

Bà Huỳnh Ngọc N phải chịu 1.238.000 (một triệu, hai trăm, ba mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trần Thị Phương